

Bản án số: 52/2019/HSST
Ngày 28 tháng 6 năm 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Sang

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Thìn, ông Ngô Thanh Xuân

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Đỗ Ngọc Tĩnh - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 52/2019/HSST ngày 06 tháng 6 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2019/HSST-QĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

*** Họ và tên: Lê Văn T.** Tên gọi khác: Không có. Giới tính: Nam. Sinh năm 1986.

- Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở hiện nay: thôn 1, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ học vấn: 09/12;

- Con ông Lê Xuân Bình, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị Yên, sinh năm 1962. Hiện cùng ở thôn 1, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Gia đình có 03 chị, em, bản thân là thứ hai;

- Họ và tên vợ: Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1987. Hiện ở thôn 1, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang;

- Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013;

- Nhân thân: Năm 2016, bị Tòa án nhân dân huyện L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc. Ngày 21/7/2017 đã chấp hành xong.

- Tiền án, tiền sự: Chưa có.

- Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/4/2019 đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang. Bị cáo T có mặt tại phiên tòa.

*** Người bị hại:**

1. Chị Vũ Thị P, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Sâu, xã Nghĩa Hòa, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Bà Trần Thị Ta, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: phố Đồng Quang, xã Đào Mỹ, huyện L, tỉnh Bắc Giang

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Phan Văn Năm, sinh năm 1986 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 13, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang

2. Chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1987 (có mặt)

Địa chỉ: thôn 1, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T, sinh năm 1986 trú tại thôn 1, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang là đối tượng nghiện ma túy, do cần tiền chi tiêu và mua ma túy sử dụng nên vào tháng 4/2019, T đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện L cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 7h ngày 10/4/2019, Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS 98B2-431.81 của chị Nguyễn Thị Giang, sinh năm 1987 (là vợ T), chở con từ nhà đến Trường mầm non xã A để học. Sau đó, T đi xe qua địa phận xã Nghĩa Hòa sang thôn Khoát, xã Nghĩa Hưng để mua khóa vòi nước. Khi đi đến cổng Trường mầm non xã Nghĩa Hòa, T thấy chiếc xe mô tô Honda Lead, màu sáng bạc của chị Vũ Thị Phương, sinh năm 1987, ở thôn Sâu, xã Nghĩa Hòa, huyện L dựng ở gần cổng trường phía trước bức để chân có 01 chiếc túi xách màu đen, thấy không có người ở đó T đã nảy ý định trộm cắp chiếc cặp xách trên. T điều khiển xe đi lên ngang chiếc xe Lead dùng tay phải cầm chiếc cặp xách màu đen để vào đằng trước xe của T đang đi rồi đi về thôn Vàng, xã Nghĩa Hòa để kiểm tra tìm tài sản bên trong. Tại đây, T mở cặp sách trộm cắp được lấy 01 điện thoại Iphone 7 màu đen, sau đó T vứt lại chiếc cặp sách ở bụi cây cạnh đường, sau đó mang đến bán cho anh Phan Văn Năm, sinh năm 1986, ở thôn 13, xã A, huyện L, tỉnh Bắc Giang được 1.000.000 đồng. Số tiền bán điện thoại trộm cắp được, T đã chi tiêu cá nhân và mua ma túy sử dụng hết.

Ngày 16/4/2019, chị Phương đã làm đơn trình báo Công an huyện L. Cùng ngày, Lê Văn T đã đến Cơ quan công an đầu thú khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản của chị Phương.

Căn cứ lời khai của T, Cơ quan điều tra đã truy tìm và thu giữ được tại bụi cây cạnh đường thôn Vàng, xã Nghĩa Hòa 01 cặp xách nhãn hiệu “Thủ đô vàng” màu đen trong có sổ ghi chép mang tên Vũ Thị Phương, vở học sinh.

Ngày 16/4/2019, anh Phan Văn Năm giao nộp 01 điện thoại Iphone 7 màu đen.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 23 ngày 16/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận chiếc điện thoại Iphone 7 và cặp sách của chị Phương có tổng giá trị là 8.530.000 đồng.

Ngày 07/5/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện L đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Phương 01 cặp sách nhãn hiệu Thủ đô vàng trong có các sổ, sách, vở như trên; 01 điện thoại Iphone 7 màu đen.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Vũ Thị Phương đã nhận lại toàn bộ đồ vật, tài sản bị mất trộm nên không có yêu cầu T phải bồi thường gì thêm; Anh Phan Văn Năm yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 1.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 13/4/2019, Lê Văn T điều khiển xe mô tô BKS 98B2-43181 từ nhà đến xã Mỹ Hà, huyện L. Khi đi đến phố Đồng Quang, xã Đào Mỹ thì phát hiện chị Trần Thị Ta, sinh năm 1967 ở phố Đồng Quang, xã Đào Mỹ có để 01 điện thoại Iphone 6Plus màu sáng bạc vào trong cốp xe mô tô Future Neo màu đen bạc, sau đó chị Ta điều khiển xe đi trước cùng chiều với T. Khi đi đến thôn Ngoài, xã Tiên Lục, T thấy chị Ta đỗ xe ở bên trái đường, xe vẫn cắm chìa khoá ở ổ khóa điện và đi xuống khu nuôi nhốt vịt ở cạnh đường. Thấy vậy, T nảy sinh ý định mở cốp xe để trộm cắp tài sản, T dùng tay vặn chìa khoá mở yên xe lấy trộm 1.500.000 đồng (03 tờ mệnh giá 500.000 đồng), cùng chiếc điện thoại chị Ta để đó. Sau khi lấy được tài sản, T mang chiếc điện thoại trên bán cho anh Năm được 650.000 đồng. Toàn bộ số tiền trộm cắp được và tiền bán điện thoại T đã chi tiêu cá nhân, mua ma túy sử dụng hết.

Ngày 19/4/2019, chị Ta đã làm đơn trình báo Cơ quan công an.

Ngày 16/4/2019, anh Phan Văn Năm giao nộp 01 điện thoại Iphone 6Plus. Ngày 07/5/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện L ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị Ta chiếc điện thoại trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 24 ngày 22/4/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện L kết luận chiếc điện thoại chị Ta bị trộm cắp có giá trị 3.000.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Trần Thị Ta yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 1.500.000 đồng. Anh Phan Văn Năm yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 650.000 đồng anh đã bỏ ra để mua chiếc điện thoại trên.

Bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của bản thân như cáo trạng truy tố. Bị cáo nhận thức hành vi của mình đã thực hiện là sai, vi phạm pháp luật và hứa cải tạo tốt, cai nghiện ma túy, sau khi chấp hành xong hình phạt tù không tái phạm.

Tại phiên tòa anh Phan Văn Năm và bị cáo T thống nhất thỏa thuận: bị cáo T trả cho anh Năm số tiền 1.650.000đ. Bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Trần Thị Ta số tiền 1.500.000 đồng

Bản cáo trạng số 55/KSĐT ngày 05 tháng 6 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: áp dụng điều 48 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Điều 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Năm: bị cáo trả cho anh Năm số tiền 1.650.000đ; buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Ta số tiền 1.500.000đ.

Ngoài ra còn đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm, xem xét về quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện L, Viện kiểm sát nhân dân huyện L, điều tra viên, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng các quy định về thẩm quyền, trình tự tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo Lê Văn T tại phiên tòa đã thừa nhận bị cáo thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 7 giờ ngày 10/4/2019, tại cổng Trường mầm non xã Nghĩa Hòa, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Lê Văn T đã trộm cắp 01 chiếc cặp xách màu đen, bên trong có sách vở học sinh cùng điện thoại Iphone 7 của chị Vũ Thị Phương. Sau khi trộm cắp được tài sản, T đã bán cho anh Phan Văn Năm được số tiền 1.000.000đ và chi tiêu cá nhân, mua ma túy sử dụng hết. Trị giá tài sản T trộm cắp của chị P là 8.530.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 9 giờ ngày 13/4/2019, tại thôn Ngoài, xã Tiên Lục, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Lê Văn T đã trộm cắp 01 điện thoại Iphone 6 Plus màu sáng bạc và 1.500.000 đồng của bà Trần Thị Ta. T đã bán điện thoại Iphone 6 Plus cho anh Phan Văn Năm được số tiền 650.000đ và chi tiêu cá nhân, mua ma túy sử dụng hết. Trị giá tài sản T trộm cắp của bà Ta là 4.500.000đ.

Tổng giá trị tài sản T trộm cắp là 13.030.000 đồng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Lời khai của bị cáo cũng hoàn toàn phù hợp với thời gian và địa điểm xảy ra tội phạm. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, lén lút thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản để lấy tiền chi tiêu cá nhân, với tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt do trộm cắp được xác định là 13.030.000 đồng, hành vi của bị cáo đã đủ cơ sở cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi bổ sung, Viện kiểm sát nhân dân huyện L đã truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có nhân thân xấu, nghiện ma túy; năm 2016 đã bị Tòa án nhân dân huyện L áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc.

Về Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã hai lần thực hiện hành vi phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: bị cáo đầu thú; khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật hình sự.

Đánh giá về hành vi phạm tội của bị cáo Lê Văn T, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật nhà nước ta bảo vệ, làm mất trật tự an ninh, xã hội tại địa phương, do đó cần xử lý nghiêm, áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải bắt bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân sống có ích cho xã hội. Khi lượng hình, HĐXX có xem xét tính chất, mức độ của hành vi, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để tuyên mức hình phạt phù hợp với bị cáo.

[4]. Hiện nay, bị cáo đang bị tạm giam, HĐXX thấy cần tiếp tục tạm giam bị cáo 45 ngày là phù hợp với Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội vì mục đích tư lợi, đáng lẽ phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo khoản 5 điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, tuy nhiên do bị cáo thuộc diện hộ cận nghèo, không công ăn việc làm, không có tài sản, thu nhập nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6]. Trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa bị cáo và anh Năm thống nhất thỏa thuận về việc bồi thường thiệt hại; bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Ta.

Căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Điều 579, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Năm, bị cáo trả cho anh Năm số tiền 1.650.000đ. Buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho bà Ta số tiền 1.500.000đ.

Chị Vũ Thị Phương đã nhận lại toàn bộ đồ vật, tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu T phải bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[7]. Đối với chiếc xe mô tô T dùng để đi trộm cắp tài sản là tài sản của chị Nguyễn Thị Giang. Quá trình điều tra xác định, Chị Giang không biết việc T dùng xe để đi trộm cắp nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là phù hợp.

Đối với anh Phan Văn Năm mua các điện thoại của T nhưng không biết là tài sản T trộm cắp nên Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý là phù hợp.

Đối với hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, T khai mua ma túy của một người đàn ông không quen biết về sử dụng. Ngoài lời khai của T, không có tài liệu chứng cứ khác chứng minh việc T sử dụng trái phép chất ma túy. Do vậy, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý T và đối tượng bán ma túy về hành vi trên là phù hợp.

[8]. Về xử lý vật chứng: Không có.

[9]. Về án phí: Bị cáo thuộc hộ cận nghèo nên được miễn án phí hình sự, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 đã được sửa đổi bổ sung; Các điều 135,

136, 331, 332, 333, 336, 337 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 3, 13, 357, 468, 579, 584, 585, 586, 589 của Bộ luật dân sự 2015; Căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[1]. Tuyên bố bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Lê Văn T 01(một) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 16/4/2019.

[2]. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho bà Trần Thị Ta số tiền 1.500.000đ (Một triệu năm trăm nghìn đồng); Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và anh Phan Văn Năm: bị cáo trả cho anh Năm số tiền 1.650.000đ (Một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng).

[3]. Án phí: Bị cáo được miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm.

[4]. Về quyền kháng cáo:

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện L;
- TAND Tỉnh Bắc Giang;
- THADS huyện L;
- Bị cáo; người bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Sang